

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/DS-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đức Lưu**
2. Ông **Tô Văn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Dung** – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 06/7/2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/QĐXXST-DS ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**; trụ sở: Số 266 – 268 đường X1, Phường Y1, Quận Z1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch C** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn D** – Giám đốc chi nhánh Hà Nội; bà **Phạm Thị Thu G** – Trưởng phòng giao dịch Bà Triệu.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Mai Hữu E** – Phó trưởng phòng giao dịch Bà Triệu; ông **Lê Ngọc F** - phòng giao dịch Bà Triệu.

Có mặt ông E.

Bị đơn: Chị **Đào Thị Kiều B**, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X2, xã Y2, huyện Z2, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08/4/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A (Sau đây gọi tắt là A) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, A và chị Đào Thị Kiều B ký Hợp đồng tín dụng số LD1814200202 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 150.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; lãi suất thời điểm vay là 8.3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho chị Đào Thị Kiều B số tiền là 150.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số LD18142000202 ngày 22 tháng 5 năm 2018.

Quá trình vay vốn, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay, chị B đã thanh toán cho A số tiền gốc là 57.500.000 đồng và tiền lãi là 23.862.500 đồng. Sau đó chị B không tiếp tục trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu chị B phải trả ngay toàn bộ nợ gốc: 92.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn đến thời điểm xét xử. Tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là chị Đào Thị Kiều B đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên chị B không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công an xã Y2 cung cấp: Chị Đào Thị Kiều B, sinh năm 1984 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X2, xã Y2. Tuy nhiên hiện nay chị B không còn cư trú tại địa phương. Theo thông tin công an xã nắm bắt được, chị B không còn sinh sống tại thôn X2, xã Y2 khoảng 02 năm nhưng không rõ hiện đang ở đâu.

Công an xã Võng La cung cấp: Chị Đào Thị Kiều B, sinh năm 1984 nguyên quán tại thôn Võng La, xã Võng La. Tuy nhiên hiện nay chị B không đăng ký hộ khẩu thường trú và không cư trú tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định đây là khoản nợ của cá nhân chị B, xác định số tiền tính đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2022 yêu cầu chị B phải trả như sau: Nợ gốc là 92.500.000 đồng; Lãi trong hạn là 28.012.500 đồng; lãi quá hạn là 9.409.125 đồng; lãi phạt quá hạn 3.136.382 đồng. Tổng cộng

số tiền là 133.058.007đồng. Buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2022 đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là chị Đào Thị Kiều B hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị B theo quy định. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị B là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc, lãi các loại tính đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2022 theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2022 đến khi trả xong toàn bộ nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, căn cứ mục đích vay vốn trong các hợp đồng tín dụng là vay tiêu dùng. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là chị Đào Thị Kiều B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X2, xã Y2, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Khi ký hợp đồng tín dụng với A, chị B vẫn đang ở địa chỉ trên. Theo kết quả xác minh mà Tòa án thu thập được thì chị B đã không còn cư trú tại thôn X2, xã Y2 khoảng 02 năm và hiện không rõ cư trú ở đâu. Đại diện chính quyền địa phương nơi chị B có nguyên quán xác định chị B không đăng ký hộ khẩu thường trú và không cư trú tại đại phương. A cũng không biết hiện chị B đang ở đâu, khi chị B thay đổi nơi cư trú cũng không thông báo gì với A. Như vậy chị B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do không có thông tin chị B hiện cụ thể đang ở đâu nên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiếp tục giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi chị Đào Thị Kiều B trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1814200202 ngày 22 tháng 5 năm 2018 (hợp đồng tín dụng) nhận thấy:

[3.1]. Việc các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc vay tiền thông qua hình thức hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, số tiền gốc chị B còn nợ là 92.500.000 đồng, vì vậy yêu cầu về số tiền gốc của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.2]. Về việc tính lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mức lãi suất 8.3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi phạt quá hạn bằng 10% số tiền lãi chậm trả. Việc thỏa thuận về lãi suất như trên là phù hợp với quy định pháp luật. Nguyên đơn tính lãi suất đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2022 của hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Nợ gốc là 92.500.000 đồng; Lãi trong hạn là 28.012.500 đồng; lãi quá hạn là 9.409.125 đồng; lãi phạt quá hạn 3.136.382 đồng. Tổng cộng số tiền là 133.058.007 đồng. Buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2022 đến khi trả hết nợ.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với chị Đào Thị Kiều B.

Buộc chị Đào Thị Kiều B phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền tính đến hết ngày 29 tháng 7 năm 2022 là:

Nợ gốc là 92.500.000 (Chín mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng); lãi trong hạn là 28.012.500 (Hai mươi tám triệu, không trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) đồng; lãi quá hạn là 9.409.125 (Chín triệu, bốn trăm linh chín nghìn, một trăm hai mươi lăm) đồng; lãi phạt quá hạn 3.136.382 (Ba triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi hai) đồng. Tổng cộng: 133.058.007 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, không trăm linh bảy đồng).

Kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2022, chị Đào Thị Kiều B còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Đào Thị Kiều B phải chịu 6.652.900 đồng (Sáu triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được số tiền 2.656.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0045407 ngày 05/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đào Thị Kiều B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

(Đã ký)

Trần Quang Tuyền